TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-PT
Ngày 02-01-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Cao Đức Chiến.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo; kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2019/QĐ-PT ngày 27/12/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Phượng H (Lê Thị H).

Cư trú tại: Số nhà 46, khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Các bị đơn:*

1. Bà Hoàng Thị D; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Bế Thị T; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn bà Bế Thị T: Bà Lương Thị Kim M - Luật sư Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Chị Chu Thị P; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Chu Thị P: Bà Bế Thị T, địa chỉ: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, theo văn bản ủy quyền số 1736/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T - Công chức Địa chính - Xây dựng, theo văn bản ủy quyền số 96/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2019; vắng mặt.

3. Chị Lý Thu T, địa chỉ: Số 46, khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

4. Anh Chu Văn Đ; cư trú tại: Số 46, khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Lý Thu T, anh Chu Văn Đ: Bà Lê Phượng H; có mặt

5. Anh Mai Tuấn V; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Mai Tuấn V: Bà Hoàng Thị D; có mặt.

6. Chị Mai Huyền T; cư trú tại: Khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Ông Chu Văn T; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Chị Chu Thị L; cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Anh Chu Văn T; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Chu Văn T, chị Chu Thị L, anh Chu Văn T: Bà Bế Thị T; có mặt.

10. Anh Dương Văn T; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Vi Thị C; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Ông Hứa Văn P; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Hứa Thị X; cư trú tại: Khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Nông Văn B; vắng mặt;

Ông Lao Thanh H; có mặt;

Ông Trần Văn T; vắng mặt;

Ông Lê Khắc H; có mặt;

Ông Hồ Văn V; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Lê Phượng H là nguyên đơn và bà Bế Thị T là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bà Lê Phượng H, trình bày: Bà có một thửa đất diện tích 300m^2, tại khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (Trong đó có 157m^2 mua của bà Hoàng Thị D theo giấy mua bán đề ngày 10/12/2003; 24m^2 đất bà Lê Phượng H cắt ra để làm đường đi; 29m^2, thuộc lô 46, tờ bản đồ số 25, đất là do bà Hoàng Thị Tạo tặng cho bà; và 90m^2, thuộc lô 57, tờ bản đồ số 25 bà mua của ông Hứa Văn P theo giấy chuyển nhượng ngày 23/12/2004). Do diện tích đất mua không bằng phẳng, sau khi mua của ông Hứa Văn P bà Lê Phượng H có mua của anh Nông Văn B 20 chiếc cống dẫn nước đặt xuống khu vực đất trên, sau đó thuê anh Hồ Văn V (lái máy xúc) đổ đất vào diện tích trên để tạo mặt bằng như khu vực hiện nay và tiến hành kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do bà Lê Phượng H sống xa diện tích đất trên nên bị bà Hoàng Thị D, bà Bế Thị T lấn chiếm, sử dụng. Do vậy, bà Lê Phượng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên và yêu cầu bà Hoàng Thị D, Bế Thị T di chuyển toàn bộ tài sản ra khỏi diện tích tranh chấp.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Lý Thu T và anh Chu Văn Đ (là con gái và con rể bà Lê Phượng H) nhất trí với ý kiến của bà Lê Phượng H và đã ủy quyền cho bà Lê Phượng H tham gia tố tụng.

Bị đơn bà Hoàng Thị D, trình bày: Bà không được bán đất cho bà Lê Phượng H, tờ giấy chuyển nhượng viết tay ngày 10/12/2013 do chị Lê Phượng H nộp cho Tòa án không phải chữ ký của bà, đó là giấy tờ giả.

Bị đơn là bà Bế Thị T, trình bày: Năm 1987 gia đình bà khai phá được 183,97m^2 đất hàng năm gia đình tiến hành trồng rau, như rau muống, cải bắp,

rau lang. Năm 2003 gia đình tiến hành trồng chuối trên toàn bộ mảnh vườn, tuy nhiên do đất cằn cỗi nên số cây chuối đã chết gần hết. Năm 2003 bà Lê Phượng H có đất liền kề 02 gia đình đã thỏa thuận để một phần diện tích đất để làm đường đi chung, diện tích cụ thể bà không nhớ rõ.

Bị đơn chị Chu Thị P: Đã ủy quyền cho bà Bế Thị T tham gia giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi kết thúc vụ án nên không tham gia giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vi Thị C, trình bày: Gia đình bà có một mảnh đất ruộng ở gần diện tích đất tranh chấp. Năm 1996 gia đình bà tặng cho gia đình bà Hoàng Thị D, diện tích khoảng 0,5 sào ruộng, trước cửa nhà bà Hoàng Thị D, việc tặng cho không lập giấy tờ, chỉ nói bằng miệng. Bà Vi Thị C cho rằng bà không liên quan đến việc tranh chấp trong vụ án này, còn đối với phần diện tích đất bà đã cho bà Hoàng Thị D bà không có ý kiến gì.

Theo lời khai của ông Hứa Văn P và bà Hứa Thị X: Năm 2003, vợ chồng ông bà có chuyển nhượng cho bà Lê Phượng H 90 m^2, thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 57, bản đồ địa chính, thị trấn L, theo giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/12/2004.

Theo lời khai ông Trần Văn T, nguyên cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L: Năm 2003, ông được lãnh đạo giao thực hiện việc soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hứa Văn P với bà Lê Phượng H tại khu M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và có cùng với đại diện khu phố tiến hành đo đạc, vẽ sơ họa mốc giới thửa đất cho bà Lê Phượng H. Việc đo đạc, cắm mốc giới có mặt bà Hoàng Thị D, ông Ngô Văn P, bà Bế Thị T cùng ký giáp ranh.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-TT ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, quyết định:

Căn cứ các Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 244; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 158; Điều 160; Điều 161; Điều 164; Điều 189; Điều 221; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 8; 99; Điều 100; Điều 101; Điều 166; Điều 170 Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Phượng H (Lê Thị H); cụ thể như sau:

- Hộ bà Lê Phượng H (Lê Thị H) được quyền quản lý và sử dụng 88,6m^2, thuộc 1 phần thửa đất số 57. Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp với phần đất của thửa số 57, chiều dài cạnh (từ điểm 5 đến điểm 8) là 17m; phía Nam giáp với phần đất của thửa số 57, chiều dài cạnh (từ điểm 8 đến điểm) là 3,32m; phía Tây Nam giáp với phần đất của thửa số 46, chiều dài cạnh (từ điểm

9 đến điểm 4) là 22,08m; phía Bắc giáp với phần đất của thửa số 57, chiều dài cạnh (từ điểm 4 đến điểm 5) là 6,7m.

Buộc bà Vi Thị C di dời 07 cây chuối tiêu, trong đó 06 cây trồng trên 1 năm và một cây chuối đang có quả; 03 cây đu đủ; 02 cây mận đường kính gốc từ 1,2 đến 03cm; 01 cây đào có đường kính từ 1,2 đến 03cm ra khỏi diện tích tranh chấp.

Hộ bà Lê Phượng H (Lê Thị H) được quyền quản lý và sử dụng 55,5m^2, thuộc 1 phần thửa đất số 46, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp với phần đất của thửa số 57, chiều dài cạnh (từ điểm 3, điểm 9 đến điểm 8) là 16,37m; phía Nam giáp với phần đất của thửa số 46, chiều dài cạnh (từ điểm 10 đến điểm 11) là 8.34m; phía Tây Nam giáp với phần đất của thửa số 46, chiều dài cạnh (từ điểm 10, điểm 11, điểm 12, điểm 13, điểm 14) là 18,03m; phía Bắc giáp với phần đất của thửa số 46, chiều dài cạnh (điểm 14 đến điểm 3) là 2,38m.

Buộc bà Bế Thị T di dời 01 cây mít, đường kính từ 07 đến 10cm; 01 cây bưởi, đường kính gốc từ 01 đến 03cm; 01 cây cam, đường kính gốc nhỏ hơn 1,2 cm và một hàng rào thép (lưới mắt cáo), chiều dài 7,4m x 1,8m ra khỏi diện tích đất tranh chấp.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Phượng H về việc yêu cầu quản lý và sử dụng:

- Diện tích 58,5m^2, đất tranh chấp thuộc 1 phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp với phần đất của thửa số 16, chiều dài cạnh (từ điểm 14 về, điểm 11) là 18,07m; phía Nam giáp với phần đất của thửa số 67, có chiều dài cạnh (từ điểm 10 đến điểm 11) là 5,6m; phía Tây Nam giáp với phần đất của thửa số 66, có chiều dài cạnh (từ điểm 01, điểm 02) là 10,56m; phía Bắc giáp với phần đất của thửa số 66, có chiều dài cạnh (điểm 2 đến điểm 14) là 2,42m.

- Diện tích 21,16m^2, thuộc 1 phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Đông Bắc giáp với phần đất của thửa số 66, chiều dài cạnh (từ điểm 1 đến điểm 2) là 10,56m; phía Tây giáp với phần đất của thửa số 67, chiều dài cạnh (từ điểm 1 đến điểm 15) là 8,67m; phía Tây Bắc giáp với phần đất của thửa số 66, chiều dài cạnh (từ điểm 15 về điểm 02) là 4,95m.

(Có sơ họa kèm theo).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2019 bà Lê Phượng H nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 28/10/2019 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy Bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 02/10/2019 bà Bế Thị T nộp đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung ngày 07/10/2019 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy một phần Bản án sơ thẩm đối với diện tích đất 55,5m^2 thuộc một phần thửa 46, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính thị trấn L; đề nghị xác minh thẩm định lại để làm rõ diện tích đất tranh chấp; yêu cầu trưng cầu giám định giấy tờ mua bán, tặng cho do bà Lê Phượng H giao nộp.

Ngày 21/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định kháng nghị số: 48/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 19/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo hướng đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Lê Phượng H và bị đơn bà Bế Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bế Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Việc tố tụng: Từ khi thụ lý và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát. Về nội dung, căn cứ các tài liêu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, tại phiên tòa thấy cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong quá trình xây dựng hồ sơ vụ án xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ; xác định quan hệ pháp luật không đúng phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, chưa giải quyết triệt để các mối quan hệ pháp luật trong cùng một vụ án; xác định án phí thiếu sót không tuyên trả lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Phượng H.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Phượng H, Bế Thị T nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn là chị Chu Thị P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H; ông Hoàng Văn T; chị Lý Thu T; anh Chu Văn Đ; anh Mai Tuấn V; chị Mai Huyền T; ông Chu Văn T; chị Chu Thị L; anh Chu Văn T; anh Dương Văn T; bà Vi Thị C; ông Hứa Văn P; bà Hứa Thị X và những người làm chứng ông Nông Văn B; ông Trần Văn T; ông Hồ Văn V vắng mặt tại phiên tòa. Những người vắng mặt nêu trên đã được ủy quyền hoặc đã có bản tự khai, biên bản lấy lời khai, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy đây là phiên tòa

xét xử lần hai, những người này đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ. Theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[3] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện; đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Phượng H; kháng cáo của bị đơn bà Bế Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về nguồn gốc đất tranh chấp theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 bà Lê Phượng H khởi kiện bà Hoàng Thị D; bà Bế Thị T; chị Chu Thị P tranh chấp quyền sử dụng đất 300m^2; khi thụ lý cấp sơ thẩm ra Thông báo thụ lý số 49/TB-TLVA ngày 28/12/2018 thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phượng H đòi quản lý sử dụng 253,87m^2 (trong đó có 69,9m^2 tranh chấp với bà Hoàng Thị D và 193,97m^2 tranh chấp với bà Bế Thị T). Theo thông báo thụ lý trên cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, không hướng dẫn đương sự viết lại đơn khởi kiện, nội dung đơn khởi kiện ghi chung chung, không rõ ràng, cụ thể, địa danh xảy ra tranh chấp, số lô thửa, diện tích, ai là người quản lý, sử dụng, nguyên nhân, lý do xảy ra tranh chấp và không thụ lý hết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Việc tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/4/2019. Tổng diện tích đất tranh chấp bao gồm S1 + S2 + S3 = 12,5m^2 + 188m^2 + 28,9m^2 = 299,4m^2. Tài sản trên đất có sân bê tông và đường bê tông, không có cây trồng trên đất và hàng rào mắt cáo.

[5] Tại biên bản xem xét thẩm định tai chỗ bổ sung ngày 04/9/2019 đất tranh chấp gồm 03 khu: Khu vực 01, diện tích 88,6m^2; khu vực 02, diện tích 55,5m^2; khu vực 03, diện tích 58,5m^2; khu vực 04 tranh chấp với bà Vi Thị C 21,16m^2. Tổng diện tích đất tranh chấp là 223,76m^2. Tài sản trên đất khu vực 01, thửa 47 có 07 cây chuối do ông Hứa Văn P trồng; 03 cây đu đủ; 02 cây mận; 01 cây đào do bà Bế Thị T trồng; khu vực 02, thửa 46 trên đất có 01 cây mít; 01 cây bưởi; 01 cây mắc mật; 01 cây cam; 01 hàng rào lưới mắt cáo do bà Vi Thị C xây dựng chiều dài 5,9m x cao 1,8m và 01 hàng rào lưới mắt cáo do bà Bế Thị T xây dựng có chiều dài 7,4m x cao 1,8m; khu vực 03 và khu vực 04 trong biên bản xem xét thẩm định không thể hiện có tài sản trên đất.

[6] Theo kết quả xem xét thẩm định nêu trên, đối chiếu 02 biên bản xem xét thẩm định lần đầu và biên bản xem xét thẩm định bổ sung đã có sự tăng giảm về diện tích đất tranh chấp và các tài sản trên đất tranh chấp. Biên bản thẩm định ngày 10/4/2019 tài sản trên đất là đường bê tông; sân bê tông; biên bản thẩm định bổ sung ngày 04/9/2019 trên đất có các loại cây trồng và 02 hàng rào lưới mắt cáo do bà Bế Thị T và bà Vi Thị C xây dựng. Khi giải quyết cấp sơ thẩm không nhận xét, đánh giá biên bản nào hợp pháp và có giá trị pháp lý để làm căn cứ giải quyết vụ án; chỉ căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 04/9/2019 để giải quyết vụ án là chưa đảm bảo tính khách quan, toàn diện.

[7] Tại phần quyết định bản án sơ thẩm tuyên: Buộc bà Bế Thị T di dời 01 cây mít, đường kính từ 07 đến 10cm; 01 cây bưởi, đường kính gốc từ 01 đến

03cm; 01 cây cam, đường kính gốc nhỏ hơn 1,2 cm và một hàng rào thép (lưới mắt cáo), chiều dài 7,4m x 1,8m ra khỏi diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên phần diện tích đất này theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/9/2019 thuộc khu vực 02, diện tích 55,5m^2, thuộc thửa 46, trên đất có 01 cây mít; 01 cây bưởi; 01 cây mắc mật; 01 cây cam; 01 hàng rào lưới mắt cáo do bà Vi Thị C xây dựng chiều dài 5,9m x cao 1,8m và 01 hàng rào lưới mắt cáo do bà Bế Thị T xây dựng có chiều dài 7,4m x cao 1,8m chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ cây trồng là của ai và phần hàng rào lưới mắt cáo do bà Vi Thị C xây dựng chiều dài 5,9m x cao 1,8m chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết là thiếu sót. Mặt khác, đối với khu vực 01, diện tích 88,6m^2, thuộc thửa số 57, bản án sơ thẩm công nhận quyền quản lý sử dụng là của bà Lê Phượng H nhưng không xử lý tài sản trên đất tranh chấp có 07 cây chuối do ông Hứa Văn P trồng; 03 cây đu đủ; 02 cây mận; 01 cây đào do bà Bế Thị T trồng là thiếu sót chưa giải quyết hết yêu cầu của đương sự.

[8] Đối với khu vực 04, diện tích đất 21,16m^2, thuộc 1 phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 25, bản đồ địa chính thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Phượng H. Theo ý kiến của UBND huyện L, đất không thuộc diện quy hoạch, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, bà Bế Thị T khai gia đình bà khai phá và quản lý, sử dụng từ năm 1987 đến nay, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập, tài liệu chứng cứ để xác định ai là người đủ điều kiện để công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp là thiếu sót.

[9] Từ những phân tích, nhận định trên: Xét thấy, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tung trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

[10] Về chi phí tố tụng: Do hủy bản án sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; chi phí tố tụng sẽ được cấp sơ thẩm xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2012/05516 ngày 24/12/2018 bà Lê Phượng H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Bản án sơ thẩm buộc bà Lê Phượng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng không tuyên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp và không xử lý số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) là thiếu sót; cũng tại quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Bế Thị T, Lê Phượng H mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và bà Bế Thị T phải chịu án phí giá ngạch 300.000 đồng. Nhưng đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Phượng H khởi kiện bà Hoàng Thị D; chị Chu Thị P cấp sơ thẩm không xem xét nghĩa vụ chịu án phí là thiếu sót; đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cấp sơ thẩm buộc bà Vi Thị C phải di dời tài sản, cây trồng trên đất nhưng không xem xét nghĩa vụ chịu án phí cũng là thiếu sót. Tuy nhiên, do hủy bản án

sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại sau khi thụ lý giải quyết lại vụ án.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy Bản án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại bà Lê Phượng H và bà Bế Thị T mỗi người 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05676 ngày 28/10/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2012/05670 ngày 16/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[12] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia tại phiên tòa phù hợp với quan điểm với Hội đồng xét xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 3 Điều 148; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Phượng H; bị đơn bà Bế Thị T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về chi phí tố tụng; án phí dân sự sơ thẩm: Được Tòa án cấp sơ thẩm xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà nguyên đơn Lê Phượng H và bị đơn bà Bế Thị T không phải chịu tiền án phí phúc thẩm; hoàn trả lại bà Lê Phượng H và bà Bế Thị T mỗi người 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05676 ngày 28/10/2019 và Biên lai thu tiền số AA/2012/05670 ngày 16/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện L, tỉnh LS;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh LS;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Đức Châm